CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 143/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo (sau đây gọi chung là chi phí đào tạo) đối với người học chương trình giáo dục cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được hưởng học bổng và chi phí đào tạo từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc do nước ngoài tài trợ theo Hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam mà không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Người học được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi học tập ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm cả chương trình giáo dục theo Hiệp định ký kết với nhà nước Việt Nam);

b) Người học được tham gia chương trình đào tạo ở trong nước theo các Đề án đặt hàng đào tạo do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện bồi hoàn chi phí đào tạo.

3. Nghị định này không áp dụng đối với người học là cán bộ, công chức, viên chức và người học theo chế độ cử tuyển.

Điều 2. Nguyên tắc bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Người học quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 1 của Nghị định này và gia đình người học ở Việt Nam (gồm: bố, mẹ đẻ hoặc chồng, vợ hoặc người đại diện hợp pháp khác của người học) có cam kết việc bồi hoàn toàn bộ chi phí đào tạo được cấp từ ngân sách nhà nước theo các quy định tại Nghị định này. Trong trường hợp người học không trở về Việt Nam sau khi tốt nghiệp để chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì gia đình người học ở Việt Nam có trách nhiệm bồi hoàn chi phí đào tạo.

2. Người học quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 của Nghị định này có cam kết việc bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo được cấp từ nguồn ngân sách nhà nước theo các quy định tại Nghị định này.

3. Toàn bộ số tiền bồi hoàn chi phí đào tạo được nộp về ngân sách nhà nước.

4. Việc bồi hoàn chi phí đào tạo bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

Điều 3. Trường hợp bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Người học quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 1 của Nghị định này không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày người học được công nhận tốt nghiệp.

Trường hợp sau khi tốt nghiệp, nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tiếp tục học tập, thì thời hạn 12 tháng tính từ ngày được công nhận tốt nghiệp khóa học tiếp theo.

2. Người học chưa chấp hành đủ thời gian làm việc theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này mà tự ý bỏ việc.

Điều 4. Thời gian làm việc theo sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Người học theo học trình độ cao đẳng, trình độ đại học sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gấp 2 (hai) lần thời gian được hưởng chi phí đào tạo.

2. Người học theo học trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ sau khi tốt nghiệp phải chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền gấp 3 (ba) lần thời gian được hưởng chi phí đào tạo.

Điều 5. Chi phí bồi hoàn và cách tính chi phí bồi hoàn

1. Chi phí bồi hoàn bao gồm: Học phí, học bổng và các khoản chi phí khác phục vụ cho khóa học đã được ngân sách nhà nước cấp.

2. Chi phí đào tạo được cấp bao gồm: Học phí, học bổng, sinh hoạt phí và các khoản chi phí khác đã được ngân sách nhà nước cấp cho người học theo chế độ quy định.

3. Cách tính chi phí bồi hoàn:

a) Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị định này, người học phải bồi hoàn 100% chi phí đào tạo được cấp từ ngân sách nhà nước;

b) Đối với người học quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định này thì chi phí bồi hoàn được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí bồi hoàn;

- F là chi phí đào tạo được cấp;

- T1 là thời gian làm việc theo sự điều động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được tính bằng số tháng làm tròn;

- T2 là thời gian đã làm việc sau khi được điều động được tính bằng số tháng làm tròn.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đi học và cấp chi phí đào tạo từ ngân sách nhà nước quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với người học vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Nghị định này.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý người lao động quyết định việc bồi hoàn chi phí đào tạo đối với người học vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Nghị định này.

Điều 7. Trả và thu hồi chi phí bồi hoàn

1. Chậm nhất trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam có trách nhiệm nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn.

2. Chi phí bồi hoàn được nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và theo quy định của Luật ngân sách nhà nước về quản lý khoản thu hồi nộp ngân sách.

3. Trường hợp người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bồi hoàn có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam chậm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn theo thời hạn thì phải chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với khoản tiền chậm bồi hoàn. Nếu Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì người học hoặc gia đình người học ở Việt Nam phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2013.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng